TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH,** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** --- Số: 249/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** --- *Đông Anh, ngày 09 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 318/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị NguyễnThị T, sinh năm 198x

Trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện Đ, Thành phố H.

Và anh Nguyễn Trung D, sinh năm 198x

Trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện Đ, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trung D đăng ký kết hôn ngày 23/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, Thành phố H trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà chồng tại thôn Đ, xã V, huyện Đ, Thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2018 đến nay mâu thuẫn trở lên trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống chung không còn hòa hợp và hạnh phúc. Nay, anh chị xác định không thể tiếp tục chung sống nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc anh, chị cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trung D có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 04/11/200x và Nguyễn Song N, sinh ngày 04/11/201x. Chị T và anh D thỏa thuận sau khi ly hôn, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, đến khi các con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Chị T và anh D thống nhất tự

thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn của chị T và anh D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Trung D thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trung D thỏa thuận để chị T chịu toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trung D.

Về con chung: Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Song N, sinh ngày 04/11/201x; anh Nguyễn Trung D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 04/11/200x đến khi các con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trung D thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trung D có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trung D thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2017/0008640 ngày 28/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, chị T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- UBND xã V, huyện Đ, T.p H (Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01.2009);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Cao Anh Tuấn